

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 14 tháng 5 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chiều.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ân, bà Phạm Thị Thỏa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 03/4/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 02/5/2019, đối với bị cáo:

Vàng Văn N (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1963, tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H; nơi cư trú: Tổ 08, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H; nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vàng Văn T (Đã chết) và bà Xín Thị M (Đã chết); Có vợ: Phạm Thị B, sinh năm 1961 và con: Có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1991; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 21/8/1993 bị cáo Vàng Văn N bị Tòa án nhân dân tỉnh H tuyên phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân. Hiện đã được xóa án tích. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/11/2018 đến nay.

Có mặt.

- Bị hại: Ông Vàng Văn C; sinh năm: 1967; địa chỉ: Tổ 08, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 26 tháng 7 năm 2018, Vàng Văn N sinh năm 1963, trú tại tổ 8 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H đang ngủ ở nhà thì tỉnh giấc dậy lấy rượu ra ngồi uống một mình, sau đó N mở cửa đi lang thang ở ngoài đường rồi nảy sinh ý định đột nhập vào nhà ông Vàng Văn C sinh năm 1967, là hàng xóm ở cùng tổ để trộm cắp tài sản nên N chuẩn bị một đôi găng tay màu đen; một khẩu trang màu xanh; một mũ lưỡi trai màu tím của gia đình (vì nhà N bán hàng tạp hóa nên có sẵn những đồ vật trên) và nhặt ở đồng củi trước nhà 01 đoạn tre dài khoảng 60cm rồi đi đến chỗ nhà bếp của gia đình ông C. Vì cửa bếp của gia đình ông C đã được khóa lại nên N lấy đoạn tre mang theo để cạy khóa cửa; cạy được một lúc thì thanh chốt cửa bung ra, N đi vào trong bếp quan sát thấy có 01 máy rửa xe nhãn hiệu Projet P25E-1708, sơn màu xanh – đen để ở cạnh bàn ăn liền đi đến chỗ máy rửa xe để lấy trộm kéo máy ra nhưng vì mắc dây dẫn ống nước vào máy đang nối liền với vòi phun của máy bơm, nhìn thấy 01 con dao (loại dao gọt hoa quả) màu đen dài khoảng 20cm, có cán gỗ để ở trên bàn gần đó liền cầm lấy con dao trên cắt bỏ đoạn dây dẫn nước vào máy, rồi cuộn tròn vòi phun nước của máy rửa xe để lên tay cầm của máy rửa xe và đẩy ra ngoài rồi đóng cửa bếp lại, khi đó N dùng 01 viên gạch ở cạnh cửa để chèn vào cửa rồi đẩy máy rửa xe lấy trộm được sang bãi đất trống cách nhà N khoảng 07m lấy củi khô phủ lên để không ai phát hiện rồi đi về nhà cởi mũ, găng tay, khẩu trang và cả đoạn tre vứt vào thùng rác ở trước nhà xong đi về nhà ngủ; đến 08 giờ sáng cùng ngày, hành vi trộm cắp tài sản trên của Vàng Văn N bị phát hiện nên bị Công an thị trấn Y triệu tập lên làm việc.

Trong quá trình điều tra ngày 17 tháng 9 năm 2018, cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường, vẽ sơ đồ, chụp ảnh hiện trường; đến ngày 16 tháng 11 năm 2018 tiến hành cho bị cáo Vàng Văn N thực nghiệm điều tra, kết quả Vàng Văn N thực hiện lại hành vi đột nhập vào nhà ông Vàng Văn C để trộm cắp tài sản phù hợp với hiện trường cùng các chứng cứ khác thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số từ 37 đến 78).

Tại bản Kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 21/KL-HĐĐG ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Y, kết luận: Chiếc máy rửa xe Projet P25E-1708, sơn màu xanh – đen mà Vàng Văn N trộm cắp được của gia đình ông Vàng Văn C vào ngày 26/7/2018 có giá trị khảo sát giá thị trường khoảng 6.500.000đ (Bút lục số 26, 27).

Vật chứng của vụ án: 01 máy rửa xe Projet P25E-1708, sơn màu xanh - đen công suất mô tơ 2.5 Kw, điện áp 220v/50Hz, tốc độ 1450v/p và 01 con dao dạng dao gọt hoa quả dài 20cm cán làm bằng gỗ, lưỡi dao sắc nhọn trong quá trình điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và không cần thiết tiếp tục tạm giữ nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu (Bút lục số 35).

Trước cơ quan điều tra bị cáo Vàng Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của mình phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh xác định hiện trường từ bút lục số 37 đến bút lục số 47, biên

bản thực nghiệm điều tra kèm bản ảnh bút lục số 61 đến bút lục số 78, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án (*Bút lục số từ 92 đến 111*). Lời khai của bị cáo còn được chứng minh bởi lời khai của người bị hại Vàng Văn C từ bút lục số 112 đến 117.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-YM ngày 02/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Vàng Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên Tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo: Vàng Văn N từ 09 (C) đến 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung và phạt tiền, do vậy đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự; đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo Vàng Văn N phải bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội của mình gây ra cho người bị hại Vàng Văn C với tổng số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), được khấu trừ số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) bị cáo đã nộp cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện để đảm bảo việc bồi thường theo biên lai thu tiền số 04157, ngày 13/5/2019; số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Về án phí đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, đồng thời rất ân hận về hành vi của mình không có ý ki ến tranh luận gì và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại Vàng Văn C đã nhận được tài sản bị mất và đề nghị bị cáo phải bồi thường thiệt hại ngày công lao động bình quân trong thời gian không sử dụng tài sản là 100 ngày, mỗi ngày thu nhập từ việc sử dụng tài sản bị mất là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tổng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ngoài ra còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường công bị hại chi tiền làm đơn gửi cơ quan chức năng 1.000.000đ (Một triệu đồng), chi phí ngày công là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), chi phí mua USB sao lưu hình ảnh gửi cơ quan chức năng

200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), ba đầu vòi phun nước rửa xe đã bị mất là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng 33.700.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật về làm gương, giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay lời khai nhận của bị cáo Vàng Văn N phù hợp với lời khai của bị hại ông Vàng Văn C, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án gồm biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh nhận dạng, bản ảnh thực nghiệm điều tra... Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ sáng ngày 26 tháng 7 năm 2018, Vàng Văn N sinh năm 1963, trú tại tổ 8 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H; nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã có hành vi cạy cửa nhà bếp ông Vàng Văn C sinh năm 1967 ở cùng tổ và lén lút đột nhập vào trong nhà bếp lấy trộm được 01 máy rửa xe Projet P25E-1708, sơn màu xanh - đen trị giá 6.500.000đ của gia đình ông C đem về cất giấu ở bãi đất trống cách nhà mình khoảng 07m nhằm tìm nơi tiêu thụ sau đó bị phát hiện. Hành vi của bị cáo Vàng Văn N gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự xã hội tại địa phương, đồng thời xâm phạm tới tài sản của người khác, chỉ vì muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo là người có đủ năng lực nên nhận thức được quyền về tài sản là thiêng liêng bất khả xâm phạm. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời phù hợp với tính chất

mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại ngày công lao động bình quân trong thời gian không sử dụng tài sản là 100 ngày, mỗi ngày thu nhập từ việc sử dụng tài sản bị mất là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tổng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ngoài ra còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường công bị hại chi tiền làm đơn gửi cơ quan chức năng 1.000.000đ (Một triệu đồng), chi phí ngày công là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), chi phí mua USB sao lưu hình ảnh gửi cơ quan chức năng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), ba đầu vòi phun nước rửa xe đã bị mất là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng 33.700.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng). HĐXX xét thấy theo lời khai của chị Lù Thị Dừng là vợ của bị hại khai ông Vàng Văn C có lương hưu và sử dụng tiền hưu trí bản thân để mua chiếc máy rửa xe ô tô, xe máy phục vụ mục đích kinh doanh tại nhà (bút lục 118a-118b), qua các biên bản xác minh tại giai đoạn điều tra về thu nhập bình quân của hộ gia đình rửa ô tô xe máy trên địa bàn HĐXX xác định dao động khoảng 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đến 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) trên ngày, thêm vào đó tài sản bị hại bị mất từ ngày 26/7/2018 đến ngày 06/11/2018 là 100 ngày, do vậy HĐXX thấy rằng việc tài sản của bị hại bị mất có ảnh hưởng đến lao động thu nhập cho gia đình bị hại, việc bồi thường thiệt hại là hợp lý, cần chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường tiền tổn thất kinh tế trong thời gian tài sản bị mất, tính bằng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) x 100 ngày = 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Về số tiền bị hại đề nghị bị cáo bồi thường công bị hại chi tiền làm đơn gửi cơ quan chức năng 1.000.000đ (Một triệu đồng), chi phí ngày công là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), chi phí mua USB sao lưu hình ảnh gửi cơ quan chức năng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), HĐXX xét thấy những đề nghị của bị hại nhằm phục vụ cho việc chứng minh việc phạm tội của bị cáo để xử lý trách nhiệm hình sự, không phải thiệt hại bồi thường dân sự, do vậy HĐXX không chấp nhận nội dung đề nghị này của bị hại. Đối với yêu cầu bồi thường ba đầu vòi phun nước rửa xe đã bị mất là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bị hại trong quá trình giải quyết vụ án không có tài liệu chứng cứ chứng minh được, do vậy không có căn cứ để HĐXX xem xét. Tổng cộng số tiền HĐXX chấp nhận yêu cầu của bị hại là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Trong

giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), do vậy số tiền bị cáo còn phải chịu bồi thường là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). HĐXX nhận thấy việc khắc phục hậu quả của bị cáo là tự nguyện, nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[7] Về vật chứng: Tại giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu tài sản, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Vàng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo: Vàng Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2019).

Giao bị cáo Vàng Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vàng Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 589, Bộ luật dân sự tuyên buộc bị cáo Vàng Văn N phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thu nhập bị mất cho ông Vàng Văn C, địa chỉ: Tổ 08, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H. Được khấu trừ số tiền: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) bị cáo đã tự nguyện bồi thường nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, biên lai thu tiền số: AA/2010/04157 ngày 13/5/2019. Bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn thiếu 8.000.000đ (Tám triệu đồng) cho ông Vàng Văn C.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Buộc bị cáo Vàng Văn N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- UBND thị trấn Y;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Y;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Y;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chiêu